

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ JÚT  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-9-2019  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Trúc Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Hòa
2. Bà Nguyễn Thị Thuận

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Chí Công - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 08 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị D, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn H, xã E huyện C, tỉnh Đ

*Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Thôn 02, xã N, huyện C, tỉnh Đ

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 15/3/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị D trình bày:*

Chị D và anh B kết hôn vào năm 2001, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80 ngày 06/8/2001 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Đ.

Anh chị kết hôn tự nguyện, chung sống hạnh phúc trong một thời gian. Nhưng khoảng 5 năm trở lại đây anh B thay đổi, không chăm lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, gây sự với vợ con. Nếu chị D phản đối thì dùng bạo lực, đánh đập. Cuộc sống gia đình không êm ấm, lúc nào cũng ồn ào, mâu thuẫn, ảnh hưởng đến cuộc sống của các con. Từ tháng 4/2019 chị D đi làm công nhân tại tỉnh B, sống ly thân anh B đến nay. Hiện tại chị D không còn tình cảm với anh B nên muốn được ly hôn. Lỗi dẫn đến ly hôn là do anh B gây nên.

Về con chung: Anh B và chị D có 03 con chung, Nh, sinh ngày 01/11/2002; H, sinh ngày 14/8/2007; Ng, sinh ngày 18/7/2013, chị D có nguyện vọng trực tiếp nuôi các con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai anh B trình bày:*

Anh B và chị D thương yêu nhau và tự nguyện chung sống với nhau và sau đó cả hai tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Đ vào ngày 06/8/2001. Cuộc sống vợ chồng tuy gặp nhiều khó khăn về vật chất nhưng chưa xảy ra bất kỳ mâu thuẫn gì nghiêm trọng đến mức phải ly hôn và hiện tại anh B vẫn còn thương yêu vợ và mong muốn Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng được đoàn tụ với nhau, để cùng chăm sóc và nuôi dạy các con; bản thân không hề muốn ly hôn đối với chị D nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có với nhau được 03 người con chung. Cháu đầu tên là Nh, sinh ngày 01/11/2002; cháu thứ hai tên là H, sinh ngày 14/8/2007; cháu thứ ba tên là Ng, sinh ngày 18/7/2013. Hiện nay các con đều do anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nên anh B không đồng ý giao con cho chị D, mà sẽ nuôi cả ba cháu Nh, H và Ng ăn học; chị D đi làm thì tùy, cứ hàng tháng gửi tiền về chu cấp cho các con ăn học là được (gửi bao nhiêu thì tùy chị D tự nguyện, anh B không yêu cầu cụ thể), anh B sẽ không có ý kiến gì nhưng còn ly hôn thì anh B không đồng ý.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Bị đơn mặc dù Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về Tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Về con chung xét điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

con của nguyên đơn đảm bảo, con lại đang sống cùng chị D nên đề nghị HĐXX chấp nhận giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh B. Anh B có hộ khẩu thường trú và sống tại xã N, huyện C, tỉnh Đ. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Anh B đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ theo quy định tại các Điều 179, 208, 209, 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D khai nhận chị và anh B chung sống và kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đ vào ngày 06/8/2001 đúng quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn nên HĐXX xác định hôn nhân giữa chị D và anh B là hợp pháp. Chị D anh B chung sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng khoảng 5 năm trở lại đây anh B thay đổi, không chăm lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, bạo lực với vợ con. Cuộc sống gia đình không êm ấm, lúc nào cũng ồn ào, mâu thuẫn, ảnh hưởng đến cuộc sống của các con. Từ tháng 4/2019 anh B và chị D sống ly thân. Anh B còn cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là có nhưng không trầm trọng, hiện anh vẫn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng là có thật, không còn tình cảm với nhau, anh B cho rằng còn tình cảm với vợ con nhưng lại bỏ đi làm ở đâu chị D không biết, khả năng đoàn tụ không còn nên HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị D ly hôn anh B

Về con chung: Chị D anh B có 03 con chung Nh, sinh ngày 01/11/2002; H, sinh ngày 14/8/2007; Ng, sinh ngày 18/7/2013, chị D có nguyện trực tiếp nuôi các con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Anh B cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi các con.

Xét chị D đủ điều kiện nuôi, đảm bảo sự phát triển bình thường của con, hiện nay các con đang được chị D trực tiếp nuôi dưỡng còn anh B đang ở đâu chị D không biết nên HĐXX không có căn cứ giao con cho anh B mà cần chấp nhận giao con cho chị D nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D anh B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84; Điều 85; Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị D được ly hôn anh B. Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh B (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80 ngày 06/8/2001 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Đ) chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

**2. Về con chung:** Giao con chung Nh, sinh ngày 01/11/2002; H, sinh ngày 14/8/2007; Ng, sinh ngày 18/7/2013, cho chị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Trong trường hợp chị D không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, anh B hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp anh B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

[2] **Về án phí:** Chị D phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000614 ngày 29/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ. Chị D đã nộp đủ án phí.

[3] **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**PHAN THỊ TRÚC LINH**